

CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
Số: 360/CV/HG

"V/v: Bổ sung một số chỉ tiêu tại thuyết minh báo  
cáo tài chính quý 3/2015"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----

Hạ long, ngày 26 tháng 10 năm 2015

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng gia ("Công ty") (mã chứng khoán RIC) xin gửi lời chào trân trọng nhất tới Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ chí Minh, Công ty chân thành cảm ơn Quý cơ quan đã hỗ trợ, giúp đỡ Công ty trong việc công bố thông tin trong thời gian qua.

Ngày 20/9/2015 Công ty đã gửi báo cáo tài chính và thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2015 cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ chí minh, tuy nhiên thuyết minh Báo cáo tài chính này chưa đầy đủ, do vậy Công ty xin bổ sung một số chỉ tiêu tại thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2015 cụ thể như sau:

**1. Bổ sung thêm thông tin tại mục 1 trang 10 thuyết minh BCTC :**

- Ngày 12 tháng 9 năm 2014 UBND tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 9 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 1.171.473.560.000 VND , mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:
  - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
  - + Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
  - + Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần.
- Chủ sở hữu (Công ty mẹ) Của Công ty là Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khai tiệp (Tên tiếng anh là Kai Chieh International Investment Ltd) sở hữu 36.938.632 cổ phần của Công ty, chiếm 52% tổng số cổ phần của Công ty .

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ là : Đầu tư tài chính.

**2. Đính chính chỉ tiêu tỷ giá qui đổi trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/9/2015 tại mục 1 trang 10 thuyết minh BCTC.**

- Thông tin đã báo cáo : 21.450 VND/USD
- Thông tin sửa đổi : 22,450 VND/USD.

**3. Bổ sung thêm thông tin tại mục 26 trang 25 thuyết minh BCTC.**

- Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khai tiệp – Công ty mẹ của RIC
- Bà Nguyễn Tiểu Mai – Thành viên Hội đồng quản trị

**4. Bổ sung thêm mục 28 "Thuyết minh báo cáo bộ phận" tại thuyết minh báo cáo tài chính.**



(Đính kèm phụ lục 1)

## 5. Bổ sung thêm mục 29 “Số liệu so sánh” tại thuyết minh báo cáo tài chính

Tại kỳ báo cáo quý 3/2014 Công ty lập báo cáo tài chính theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC (“Quyết định 15”), Tại kỳ báo cáo quý 3/2015 Công ty lập báo cáo tài chính theo thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”). Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đô la mỹ và được qui đổi ra Việt nam đồng; Tuy nhiên tỷ giá dùng để qui đổi các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được quy định tại quyết định 15 và thông tư 200 có sự khác nhau, do vậy có sự thay đổi về số liệu giữa báo cáo đã lập theo quyết định 15 và báo cáo lập theo thông tư 200, ngoài ra còn một số chỉ tiêu Công ty phân loại lại để phù hợp với việc so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ hiện tại do ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cụ thể như sau:

- **5.1: Bảng cân đối kế toán:** Tỷ giá dùng để qui đổi các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán được quy định tại quyết định 15 và thông tư 200 tại ngày 31/12/2014 lần lượt là : 21.246 VND/1 USD và 21.380 VND/1 USD do vậy toàn bộ số liệu tại các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán được lập theo thông tư 200 đều khác với số liệu đã báo cáo được lập theo quyết định 15. Tuy nhiên Công ty chỉ trình bày một số chỉ tiêu chủ yếu được phân loại lại.

(Đính kèm phụ lục 2)

- **5.2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** Tỷ giá dùng để qui đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ qui định tại quyết định 15 và thông tư 200 lần lượt là : 21.246 VND/1 USD và 21.185 VND/1 USD, đồng thời theo thông tư 200 chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt nên số liệu các chỉ tiêu báo cáo được lập theo thông tư 200 có sự thay đổi cụ thể :

(Đính kèm phụ lục 2)

Công ty kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ





**PHỤ LỤC I – THUYẾT MINH BÁO CÁO BỘ PHẬN**  
(KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 360../CV/HG NGÀY 26/10/2015)

**1. Bộ phận theo lĩnh vực địa lý:**

Công ty chỉ có doanh thu duy nhất tại Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng ninh.

**2. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách

- Khu Biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng

- Khu Công viên Hoàng Gia: Kinh doanh các dịch vụ vui chơi.

- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long: Cho thuê phòng và dịch vụ liên quan.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn 13 tầng	Bù trừ	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	296.442.282.200	170.961.082.850	328.376.374.500	754.056.998.250	(529.523.211.000)	1.020.313.526.800
Tài sản không phân bổ						411.323.107.900
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>						<b>1.431.636.634.700</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	209.764.044.500	30.539.610.550	20.373.891.350	558.348.696.700	(529.523.211.000)	289.503.032.100
Nợ phải trả không phân bổ						51.193.722.800,00
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>						<b>340.696.754.900</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 /1/2015 đến ngày 30/9/2015 :**

Đơn vị tính: VND

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn 13 tầng	Bù trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	41.660.627.946	47.140.883.628	38.351.030.354	106.918.003.390	-	234.070.545.318
Giá vốn bộ phận	(65.883.661.520)	(15.130.379.480)	(5.732.531.144)	(69.736.829.402)	-	(156.483.401.546)
Lợi nhuận gộp	(24.223.033.574)	32.010.504.148	32.618.499.210	176.654.832.792	-	77.587.143.772
Chi phí không phân bổ						(63.163.680.144)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>14.423.463.628</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						7.393.302.516
Lãi khác						131.772.285.548
Chi phí tài chính						(15.415.482.152)
<b>Lãi trước thuế</b>						<b>138.173.569.540</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(4.063.832.934)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						192.439.912
<b>Lãi trong năm</b>						<b>134.302.176.518</b>

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Đơn vị tính: VND**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn 13 tầng	Bù trừ	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	241.498.794.860	194.816.484.200	220.781.339.680	733.979.291.160	(397.140.940.240)	993.934.969.660
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	228.288.242.520
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>						<b>1.222.223.212.180</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	105.738.959.100	20.314.827.020	19.698.698.180	537.428.482.740	(397.140.940.240)	286.040.026.800
Nợ phải trả không phân bổ						27.974.019.600.00
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>						<b>314.014.046.400</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/1/2014 đến 30/9/2014 :**

**Đơn vị tính: VND**

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Công viên	Khách sạn 13 tầng	Bù trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	43.781.196.405	31.462.479.050	36.421.908.735	56.803.171.020	-	168.468.755.210
Giá vốn bộ phận	(54.808.285.495)	(14.260.237.865)	(13.463.512.385)	(54.704.966.250)	-	(137.237.001.995)
Lợi nhuận gộp	(11.027.089.090)	17.202.241.185	22.958.396.350		-	31.231.753.215
Chi phí không phân bổ						(123.823.507.395)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>(92.591.754.180)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						4.206.048.715
Lỗ khác						(7.355.326.075)
Chi phí tài chính						(19.242.738.015)
<b>Lỗ trước thuế</b>						<b>(114.983.769.555)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(422.640.750)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(115.406.410.305)
<b>Lỗ trong năm</b>						<b>(115.406.410.305)</b>

Hạ long ngày 26 tháng 10 năm 2015



Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc



Đỗ Thị Vỹ

PHỤ LỤC II – SỐ LIỆU SO SÁNH  
 (KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 360.../CV/HG NGÀY 26/10/2015)

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	31/12/2014	PHÂN LOẠI LẠI	31/12/2014
		SỐ ĐÃ BÁO CÁO		SỐ SAU PHÂN LOẠI LẠI
Phải thu ngắn hạn khác	136	175.658.080	37.094.300	212.752.380
Hàng tồn kho	140	23.487.576.260	(6.320.184.560)	17.167.391.700
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.154.863.020	(16.918.592.640)	236.270.380
Tài sản ngắn hạn khác	155	37.094.300	(37.094.300)	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	9.324.523.540	16.918.592.640	26.243.116.180
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		6.320.184.560	6.320.184.560





2. Báo cáo kết quả kinh doanh quý 3/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ ĐÃ BÁO CÁO THEO QĐ 15 (QUÍ 3/2014)	SỐ PHÂN LOẠI LẠI	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ	SỐ BÁO CÁO THEO THÔNG TƯ 200 (QUÍ 3/2014)
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>72.316.093.746</b>	<b>(6.832.586.124)</b>	<b>(187.990.392)</b>	<b>65.295.517.230</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.882.046.812	(6.832.586.124)	(120.823)	49.339.865
<i>Chiết khấu thương mại</i>		49.460.688		(49.460.688)	-
<i>Thuế TTĐB</i>		6.832.586.124	(6.832.586.124)	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>65.434.046.934</b>		<b>(187.869.569)</b>	<b>65.246.177.365</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	48.423.479.526		(139.030.041)	48.284.449.485
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>17.010.567.408</b>		<b>(48.839.528)</b>	<b>16.961.727.880</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	325.085.046		(933.361)	324.151.685
7. Chi phí tài chính	22	6.159.661.566		(17.685.181)	6.141.976.385
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	6.041.597.544		(17.346.204)	6.024.251.340
8. Chi phí bán hàng	24	6.375.924.600		(18.306.100)	6.357.618.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	36.713.661.642		(105.409.647)	36.608.251.995
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>(31.913.595.354)</b>		<b>91.628.039</b>	<b>(31.821.967.315)</b>
11. Thu nhập khác	31	1.406.973.858		(4.039.603)	1.402.934.255
12. Chi phí khác	32	6.279.531.498		(18.029.343)	6.261.502.155
13. Lợi nhuận khác	40	(4.872.557.640)		13.989.740	(4.858.567.900)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>(36.786.152.994)</b>		<b>105.617.779</b>	<b>(36.680.535.215)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	152.928.708		(439.078)	152.489.630
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>(36.939.081.702)</b>		<b>106.056.857</b>	<b>(36.833.024.845)</b>

03  
CỔ  
CỔ  
QU  
CỔ  
CỔ

3. Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ 01/1/2014 đến 30/9/2014.

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ ĐÃ BÁO CÁO THEO QĐ 15 (lũy kế đến 30/9/2014)	SỐ PHÂN LOẠI LẠI	CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ	SỐ BÁO CÁO THEO THÔNG TƯ 200 (lũy kế đến 30/9/2014)
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>183.414.572.154</b>	<b>(14.065.744.332)</b>	<b>(486.222.277)</b>	<b>168.862.605.545</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14.460.728.718	(14.065.744.332)	(1.134.051)	393.850.335
<i>Chiết khấu thương mại</i>		394.984.386		(394.984.386)	
<i>Thuế TTDB</i>		14.065.744.332	(14.065.744.332)	-	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>168.953.843.436</b>		<b>(485.088.226)</b>	<b>168.468.755.210</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	137.632.161.642		(395.159.647)	137.237.001.995
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>31.321.681.794</b>		<b>(89.928.579)</b>	<b>31.231.753.215</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.218.159.594		(12.110.879)	4.206.048.715
7. Chi phí tài chính	22	19.298.145.474		(55.407.459)	19.242.738.015
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	18.902.736.168		(54.272.188)	18.848.463.980
8. Chi phí bán hàng	24	18.535.052.892		(53.216.522)	18.481.836.370
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	105.644.991.390		(303.320.365)	105.341.671.025
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>(107.938.348.368)</b>		<b>309.904.888</b>	<b>(107.628.443.480)</b>
11. Thu nhập khác	31	5.458.968.486		(15.673.401)	5.443.295.085
12. Chi phí khác	32	12.835.473.456		(36.852.296)	12.798.621.160
13. Lợi nhuận khác	40	(7.376.504.970)		21.178.895	(7.355.326.075)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>(115.314.853.338)</b>		<b>331.083.783</b>	<b>(114.983.769.555)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	423.857.700		(1.216.950)	422.640.750
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>(115.738.711.038)</b>		<b>332.300.733</b>	<b>(115.406.410.305)</b>

200  
NG  
PH  
ỐC  
NG  
T.Q



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/1/2014 đến ngày 30/9/2014

Đơn vị tính: VND

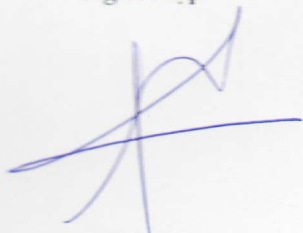
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ ĐÃ BÁO CÁO THEO QĐ 15 (QUÍ 3/2014)	SỐ PHÂN LOẠI LẠI	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ	SỐ BÁO CÁO THEO THÔNG TƯ 200 (QUÍ 3/2014)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(115.314.853.338)		331.083.783	(114.983.769.555)
2. Điều chỉnh cho các khoản		76.061.041.182		(218.381.037)	75.842.660.145
Khấu hao tài sản cố định	02	54.643.585.962		(156.888.767)	54.486.697.195
Các khoản dự phòng	03	(928.216.494)		2.665.029	(925.551.465)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	04	(2.810.505.864)		8.069.324	(2.802.436.540)
Lỗ thanh lý tài sản	05	6.253.441.410		(17.954.435)	6.235.486.975
Chi phí lãi vay	06	18.902.736.168		(54.272.188)	18.848.463.980
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(39.253.812.156)		112.702.746	(39.141.109.410)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	45.483.181.848		(130.588.068)	45.352.593.780
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10	(3.206.021.400)		9.204.900	(3.196.816.500)
(Tăng) giảm các khoản phải trả	11	47.224.971.420	(31.869.000)	(103.719.970)	47.089.382.450
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(851.369.712)		2.444.392	(848.925.320)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.654.894.850)		50.689.475	(17.604.205.375)
Thuế TNDN đã nộp	14	(670.162.578)		1.924.123	(668.238.455)
Tiền chi khác cho HĐSXKD	16	(16.805.586)		48.251	(16.757.335)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh	20	31.055.086.986		(89.163.151)	30.965.923.835
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.037.101.182)		11.591.037	(4.025.510.145)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán	22	3.764.854.938		(10.809.383)	3.754.045.555
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(272.246.244)		781.654	(271.464.590)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31			-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận	33	103.148.650.128		(296.153.048)	102.852.497.080
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(115.387.302.198)		331.291.793	(115.056.010.405)
4. Thủ lao Hội đồng quản trị	36	(31.869.000)	31.869.000	31.869.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.270.521.070)		67.007.745	(12.203.513.325)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	18.512.319.672		(21.373.752)	18.490.945.920
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	4.357.108.434		(33.017.719)	4.324.090.715
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	2.810.527.110		(7.252.025)	2.803.275.085
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	25.679.955.216		(61.643.496)	25.618.311.720

17  
 TỶ  
 AN  
 TẾ  
 GI  
 AN



Hà long ngày 26 tháng 10 năm 2015

Người lập



Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ

